

Số: 67 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0049.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : KTV. Như

Địa điểm lấy mẫu : Xí nghiệp cấp nước TT. Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 14/1/2020

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 14/01/2020

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	15/01/2020
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	15/01/2020
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,16	2	14/01/2020
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,33	0,3 - 0,5	14/01/2020
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl ⁻ B - 2012 (*)	20,00	250,00	15/01/2020
6	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	140,00	300,00	15/01/2020
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,27	2	14/01/2020
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	2,52	15	14/01/2020
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	0,06	0,3	14/01/2020
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	14/01/2020
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	1,23	50	14/01/2020
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2012 (*)	0,02	3	14/01/2020
13	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,00	6,5 - 8,5	15/01/2020
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,11	0,3	14/01/2020
15	Sulphat (mg/L)	SMEWW 427 C - 2012	203,5	250	14/01/2020

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 0049.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM

[Signature]

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 20 tháng 01 năm 2020

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Võ Quang Hà

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	15/01/2020
2	Extracellular acid (CTU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	15/01/2020
3	Chloride (mg/L)	TCVN 6180-1:2006 (*)	0,16	2	14/01/2020
4	Chloride (mg/L)	SMWW 4500 - Cl- B-2012	0,33	0,3 - 0,5	14/01/2020
5	Chloride (mg/L)	SMWW 1320 - Cl- B-2012	20,00	280,00	15/01/2020
6	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMWW 2340C - 2012 (*)	140,00	300,00	15/01/2020
7	Độ đục (NTU)	SMWW 2130B - 2012	0,24	5	14/01/2020
8	Độ mặn (múi nước) (TCD)	SMWW 2130C - 2012 (*)	2,52	15	14/01/2020
9	Phosphate tổng số (mg/L)	SMWW 3800 Mn- B-2012 (*)	0,08	0,3	14/01/2020
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	14/01/2020
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180-1:2006 (*)	1,23	50	14/01/2020
12	Nitrite (mg/L)	SMWW 4500 - NO ₂ - B-2012 (*)	0,02	3	14/01/2020
13	pH	TCVN 6180-1:2006 (*)	7,00	6,5 - 8,5	15/01/2020
14	Độ cứng tổng cộng (mg/L)	SMWW 3800 Fe- B-2012	0,11	0,3	14/01/2020
15	Sulphate (mg/L)	SMWW 437 C-2012	263,2	250	14/01/2020

Số: 68 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0050.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : KTV. Như

Địa điểm lấy mẫu : Lê Thị Thắm, số 104, ấp Giồng Giữa, TT. Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 14/1/2020

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 14/01/2020

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	15/01/2020
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	15/01/2020
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,32	2	14/01/2020
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,32	0,3 - 0,5	14/01/2020
5	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,15	2	14/01/2020
6	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	3,04	15	14/01/2020
7	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	14/01/2020
8	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,14	0,3	14/01/2020

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

[Signature]

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 20 tháng 01 năm 2020

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
[Signature]
BS. CKII. Võ Quang Hà